

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

HÀ NỘI

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề có 5 trang)

ĐỀ KIỂM TRA KHẢO SÁT LỚP 12 THPT– NĂM 2019

BÀI THI: KHOA HỌC XÃ HỘI

MÔN ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút

Đề thi có 40 câu

Mã đề: 004

BẢNG ĐÁP ÁN

41. A	42. A	43. C	44. B	45. A	46. C	47. D	48. D	49. A	50. A
51. A	52. A	53. A	54. C	55. B	56. D	57. A	58. A	59. A	60. A
61. D	62. D	63. B	64. B	65. B	66. B	67. B	68. B	69.D	70. B
71. C	72. B	73. B	74. C	75. B	76. D	77. B	78. C	79. C	80. C

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

Câu 41.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, ngành chế biến sản phẩm chăn nuôi không có ở trung tâm công nghiệp Thái Nguyên, Đà Nẵng, Vũng Tàu.

=> **Chọn A**

Câu 42.

Các loài thú lông dày là động vật của vùng ôn đới có thời tiết lạnh. Phần lãnh thổ phía Nam có khí hậu cận xích đạo với nền nhiệt cao nên không xuất hiện thú lông dày.

=> **Chọn A**

Câu 43.

Việt Nam nằm ở rìa phía đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á (SGK/13 Địa lí 12 cơ bản)

=> **Chọn C**

Câu 44.

Vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên thuộc loại rừng đặc dụng

=> **Chọn B**

Câu 45.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hồ Thác Bà nằm ở trên sông Chảy.

=> **Chọn A**

Câu 46.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, xác định được Đông Hà là đô thị thuộc tỉnh Quảng Trị.

=> **Chọn C**

Câu 47.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, dãy núi Bạch Mã có hướng Tây – Đông.

=> **Chọn D**

Câu 48.

Việc xây dựng hệ thống đê điều dày đặc ở ĐBSH đã chia đồng bằng thành nhiều ô vuông, vùng đất trong đê không được bồi đắp phù sa hằng năm kết hợp việc sử dụng không hợp lí đang đứng trước nguy cơ thoái hóa bạc màu (vùng đất ngoài đê hằng năm vẫn được phù sa sông bồi đắp)

=> **Chọn D**

Câu 49.

Dựa vào Atlas Địa lí trang 4 -5, xác định được tỉnh Kiên Giang tiếp giáp Cam-pu-chia trên cả đất liền và biển đảo

=> **Chọn A**

Câu 50.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, xác định được ở Thạch Khê (Hà Tĩnh) có mỏ sắt.

=> **Chọn A**

Câu 51.

Do nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nên có lượng mưa trung bình năm lớn (1500 – 2000mm), chế độ mưa có sự phân mùa => mưa lớn và phân mùa đã đem lại lượng nước lớn cho sông ngòi, chế độ nước sông cũng phân mùa phù hợp với chế độ mưa.

=> Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta thể hiện ở đặc điểm sông có tổng lượng nước lớn, thủy chế theo mùa.

=> **Chọn A**

Câu 52.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, xác định được Quảng Ninh là tỉnh thuộc Trung du miền núi Bắc Bộ có giá trị hàng hóa xuất khẩu lớn nhất. (kí hiệu cột màu xanh)

=> **Chọn A**

Câu 53.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, khu kinh tế ven biển Chu Lai - tỉnh Quảng Nam thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, không thuộc vùng Bắc Trung Bộ.

=> **Chọn A**

Câu 54.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, xác định được các trung tâm du lịch quốc gia của nước ta gồm Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.

=> **Chọn C**

Câu 55.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, xác định được cây cao su phân bố chủ yếu ở vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

=> **Chọn B**

Câu 56.

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, xác định được SaPa là nơi có nhiệt độ tháng 1 thấp nhất (khoảng 7°C), do SaPa nằm ở độ cao lớn (trên 1500m) lại chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc nên nhiệt độ hạ thấp, có nhiều năm xuất hiện băng tuyết.

=> **Chọn D**

Câu 57.

ASEAN đã tạo dựng được một môi trường hòa bình và ổn định, đây là cơ sở vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia và toàn khu vực Đông Nam Á.

=> **Chọn A**

Câu 58.

- Bảng số liệu có 2 đơn vị khác nhau (giá trị tuyệt đối: triệu lượt người và tỉ lượt người.km)
- Đề ra yêu cầu thể hiện “số lượt hành khách” => thể hiện số lượng của đối tượng, trong 4 năm
=> Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện số lượt hành khách vận chuyển và số lượt hành khách luân chuyển trong giai đoạn 2010 – 2017 là biểu đồ kết hợp

=> **Chọn A**

Câu 59.

Để tăng sản lượng thủy sản đánh bắt, vấn đề quan trọng nhất cần phải giải quyết không phải là phát triển công nghiệp chế biến

Chú ý: cụm từ khóa “tăng sản lượng đánh bắt” - việc phát triển công nghiệp chế biến góp phần tăng giá trị thủy sản đánh bắt và tạo đầu ra thuận lợi cho ngành này -> từ đó tạo động lực, thúc đẩy ngành khai thác thủy sản phát triển hơn. Tuy nhiên phát triển công nghiệp chế biến không trực tiếp giúp tăng sản lượng đánh bắt (việc tăng sản lượng đánh bắt phụ thuộc vào kinh nghiệm đánh bắt của ngư dân, phương tiện tàu thuyền và nguồn lợi thủy sản)

=> **Chọn A**

Câu 60.

Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp, cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ **không có ý nghĩa trong việc góp phần giảm nhanh tỉ trọng cây lương thực.**

Việc phát triển sản xuất cây công nghiệp, cây đặc sản ở TDMNBB gắn với việc hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn, góp phần phát triển có hiệu quả nền nông nghiệp hàng hóa, giải quyết việc làm, cải thiện đời sống nhân dân và hạn chế nạn du canh du cư.

=> **Chọn A**

Câu 61.

Đông Nam Á có dân cư đông, nguồn lao động dồi dào, nhưng phần lớn lao động có tay nghề và trình độ chuyên môn còn hạn chế (SGK/101 Địa lí 11)

=> Nhận xét lao động Đông Nam Á có trình độ chuyên môn kĩ thuật cao là không đúng

=> **Chọn B**

Câu 62.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ tập trung nhiều con sông với lưu lượng dòng chảy lớn (sông Đà, sông Hồng, sông Chảy....) kết hợp địa hình đồi núi hiểm trở có độ dốc lớn đã đem lại tiềm năng thủy điện lớn cho vùng (vùng đã xây dựng các nhà máy thủy điện lớn nhất là Hòa Bình, Sơn La, Thác Bà...)

=> **Chọn D**

Câu 63.

Nước ta có ngành nông – lâm thủy sản phát triển => đem lại nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú cho ngành công nghiệp chế biến nông – lâm – thủy sản.

=> **Chọn B**

Câu 64.

Cơ cấu sản phẩm nông nghiệp nước ta đa dạng chủ yếu do sự phân hóa của khí hậu, địa hình và đất đai.

Ví dụ:

- Vùng đồng bằng có thể mạnh về các loại cây lương thực, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày (lúa, đậu tương, mía, lạc, vừng...); miền núi đặc trưng với đất feralit và đất đỏ badan có thể mạnh về các loại cây công nghiệp lâu năm (chè, cà phê, cao su, hồ tiêu, cây thuốc quý...)

- Khí hậu nước ta phân hóa đa dạng có khả năng phát triển các sản phẩm nông nghiệp có nguồn gốc nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới.

=> **Chọn B**

Câu 65.

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có lợi thế phát triển cây chè chủ yếu nhờ điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh nhất cả nước => rất thích hợp với đặc điểm sinh thái cây chè – là loài cây cận nhiệt ưa khí hậu mát mẻ.

=> **Chọn B**

Câu 66.

Khó khăn lớn nhất trong khai thác khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta là địa hình miền núi hiểm trở đòi hỏi phải đầu tư phương tiện khai thác hiện đại và chi phí cao.

=> **Chọn B**

Câu 67.

- Biểu cột kết hợp đường, đơn vị: triệu ha và triệu tấn có dạng giá trị tuyệt đối.

- Thể hiện giá trị tuyệt đối của hai đối tượng là diện tích và sản lượng

=> Nội dung biểu đồ trên: thể hiện diện tích và sản lượng lúa của nước ta, giai đoạn 2010 – 2017.

=> **Chọn B**

Câu 68.

Hiện nay, ngành chăn nuôi nước ta đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa, chăn nuôi phát triển theo hình thức công nghiệp. Do vậy, nhận định hình thức chăn nuôi truyền thống còn phổ biến không phải là khó khăn của ngành chăn nuôi nước ta.

=> **Chọn B**

Câu 69.

- Đồng bằng sông Hồng có cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối tốt (Hình 33.1 SGK/150 Địa lí 12 cơ bản) và đang được cải thiện (SGK/192 Địa lí 12 nâng cao)

=> nhận xét C đúng.

- Đồng bằng sông Hồng có nguồn lao động dồi dào với kinh nghiệm và truyền thống sản xuất phong phú, chất lượng lao động đứng hàng đầu cả nước. (SGK/192 Địa lí 12 nâng cao). Tuy nhiên, Đông Nam Bộ mới là địa bàn thu hút mạnh nhất lực lượng lao động có chuyên môn cao, từ công nhân lành nghề tới các kỹ sư, bác sĩ, các nhà khoa học, các nhà kinh doanh... (SGK/220 Địa lí 12 nâng cao)

=> Như vậy nhận định Đồng bằng sông Hồng là vùng thu hút mạnh nhất lao động có chuyên môn cao là không đúng.

=> **Chọn D**

Câu 70.

Hạn chế lớn nhất về tài nguyên đất nông nghiệp của vùng là khả năng mở rộng hạn chế do đất sử dụng cho phát triển kinh tế và thổ cư trong khi nhiều vùng đất đang bị thoái hóa, bạc màu. Do vậy, biện pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý tài nguyên đất ở Đồng bằng sông Hồng là tiến hành thâm canh tăng vụ để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

=> **Chọn B**

Câu 71.

Vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long có chung thế mạnh là có trình độ thâm canh cao và sử dụng nhiều vật tư nông nghiệp. (SGK/108 Địa lí 12 cơ bản)

=> **Chọn C**

Câu 72.

Để phát triển nông nghiệp hàng hóa ở vùng Đồng bằng sông Hồng, vấn đề chủ yếu cần quan tâm hiện nay là đẩy mạnh khâu chế biến và mở rộng thị trường tiêu thụ -> nhằm nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, đem lại hiệu quả kinh tế lớn.

=> **Chọn B**

Câu 73.

Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên nước ta gần đây đã giảm nhưng dân số vẫn tăng nhanh do quy mô dân số nước ta lớn nên số trẻ em sinh ra hằng năm lớn.

=> **Chọn B**

Câu 74.

Việc hình thành và phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm ở Đồng bằng sông Hồng nhằm mục đích chủ yếu là sử dụng có hiệu quả các thế mạnh của vùng (về nguồn lao động, thị trường tiêu thụ, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và nguồn nguyên liệu từ nông nghiệp...)

=> **Chọn C**

Câu 75.

Biểu đồ cho thấy Việt Nam có số dân lớn nhất trong ba nước, cao hơn Thái Lan và Cam-pu-chia. (92,7 triệu người > 65,5 và 15,8 triệu người)

=> Nhận xét Việt Nam có số dân cao hơn Cam-pu-chia và thấp hơn Thái Lan là không đúng.

=> **Chọn B**

Câu 76.

Yếu tố thể hiện rõ nhất sự tăng trưởng của hoạt động nội thương là tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.

=> **Chọn D**

Câu 77.

Xu hướng giảm tỉ trọng diện tích cây lương thực và tăng tỉ trọng diện tích cây công nghiệp trong cơ cấu ngành trồng trọt nước ta chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế nông nghiệp. Bởi cây công nghiệp tạo ra nguồn hàng xuất khẩu lớn và có giá trị cao.

=> **Chọn B**

Câu 78.

Trong cơ cấu ngành công nghiệp nước ta hiện nay, công nghiệp chế biến chiếm tỉ trọng lớn nhất (83,2% năm 2005). Do vậy nhận định công nghiệp khai thác chiếm tỉ trọng lớn nhất là không đúng

=> **Chọn C**

Câu 79.

Nguồn lao động nước ta phần lớn có còn hạn chế về thể lực và trình độ chuyên môn.

=> Nhận định phần lớn lao động nước ta có trình độ cao là không đúng

=> **Chọn C**

Câu 80.

Cán cân XNK = Giá trị xuất khẩu – Giá trị nhập khẩu

Quốc gia	Xin-ga-po	Ma-lai-xi-a	Thái Lan	In-đô-nê-xi-a
Cán cân XNK (tỉ USD)	76,8	19,9	59,9	7,2

=> Như vậy Thái Lan có cán cân xuất nhập khẩu nhỏ hơn Xin-ga-po ($59,9 < 76,8$ tỉ USD)

=> Nhận định C đúng

=> **Chọn C**

----- HẾT -----